

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/10/2018
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo;
2. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phát Huy, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2018/TLST-HN ngày 06 tháng 8 năm 2018 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXXST - HN ngày 24 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2018/QĐHPT ngày 10/10/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1998;

Nơi cư trú: Số 22, ấp Phú B, xã An L, huyện Phú Gi, tỉnh Bình D.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990;

Nơi cư trú: Tổ 11, khóm Châu Th, phường Châu Ph, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959,

Nơi cư trú: Tổ 11, khóm Châu Th, phường Châu Ph, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Chị Phạm Thị H có mặt;

Anh Nguyễn Văn Q vắng mặt;

Chị Nguyễn Thị Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 06/8/2018 và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị (Phạm Thị H) và anh Nguyễn Văn Q tự tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân vào năm 2014, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An L, huyện Phú Gi, tỉnh Bình D ngày 20/3/2018.

Chị H khai: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh Q không tôn trọng chị, mỗi khi đi nhậu về kiếm chuyện chửi bới, hành hung chị và con. Chị rất sợ hãi làm ảnh hưởng đến tinh thần và sức khỏe của chị. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không còn không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Bà H khai, trong thời kỳ hôn nhân chị và anh Q có 01 (một) con chung tên Phạm Trí C, sinh ngày 30/3/2015. Chị H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Văn Q nhưng anh Q không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh:

Công an phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc cung cấp: Anh Nguyễn Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 11, khóm Châu Thới 1, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, hiện tại anh Q đi làm thuê không có tại địa phương, việc anh Q đi làm thuê không có báo cho địa phương.

Ông Huỳnh Trung Thọ – Phó Ban khóm Châu Thới 1 cho biết: Anh Nguyễn Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 11, khóm Châu Thới 1, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, anh Q chung sống cùng với mẹ ruột tên Nguyễn Thị Đ tại căn nhà ở tổ 11, khóm Châu Thới 1, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, hiện anh đi làm thuê, thỉnh thoảng anh có về địa phương vào dịp đám tiệc và tết cổ truyền.

Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc tổng đạt các văn bản tố tụng qua người thân là bà Nguyễn Thị Đ và chị Nguyễn Thị Kim Ch (mẹ và chị của anh Q) có ký nhận qua trung gian các văn bản tố tụng của Tòa án: Thông báo thụ lý vụ án ngày 06/8/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/8/2018; Thông báo V/v thu thập tài liệu, chứng cứ ngày 06/8/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/8/2018; Thông báo V/v thay đổi

thời gian hòa giải ngày 27/8/2018.; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXXST – HN ngày 24/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2018/QĐST - HN ngày 10/10/2018, bà Đ đã điện thoại thông báo cho anh Q biết việc H kiện ly hôn nhưng theo bà Đ, do Quý bận làm thuê nên không thể đến Tòa án, ý kiến của Quý là không đồng ý ly hôn với H vì còn thương vợ con, bà Đ xác định cả hai không còn sống chung với nhau khoảng 5 - 6 tháng nay; về tài sản chung – nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, chị Hạnh giữ nguyên ý kiến ban đầu;

Hội đồng xét xử công bố: Lời khai của bà Nguyễn Thị Đ; Kết quả xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc do Công an phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc và do Ban khóm Châu Thới 1, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc;

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong thời hạn chuẩn bị xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không đến làm việc cũng như tham gia hòa giải, đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn Q tự tìm hiểu đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An L, huyện Phú Gi, tỉnh Bình D nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp, tình cảm không còn nên bà yêu cầu ly hôn. Xét thấy, hôn nhân bà H, ông Q lâm vào tình trạng trầm trọng, không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được và đã ly thân từ tháng 01/2018 cho đến nay; nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Hạnh được ly hôn với ông Q.

Về con chung:

Trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên: Phạm Trí C, sinh ngày 30/3/2015, cháu C hiện do bà H đang nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện con chung do bà H nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định. Vì vậy căn cứ các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu bà H được tiếp tục nuôi dạy con chung, ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung - nợ chung:

Chị H khai không có tài sản chung, nợ chung phù hợp với lời khai của bà Đ, chị H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Đồng thời, anh Q cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về vắng mặt của đương sự:

Anh Nguyễn Văn Q được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2014, chị H và anh Q đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An L, huyện Phú Gi, tỉnh Bình D ngày 20/3/2018, công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Chứng cứ chị H đưa ra để yêu cầu ly hôn anh Q là cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị không còn sống chung từ hơn một năm nay. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn, chị H xin ly hôn anh Q.

Qua xác minh và được bà Nguyễn Thị Đ (mẹ của anh Nguyễn Văn Q cung cấp), H và Q kết hôn và sinh 01 con chung tên Phạm Trí C, sinh ngày 30/3/2015 hiện do H đang nuôi dạy, hiện nay cả hai đã không còn sống chung với nhau; bà Đ cho biết, Q có biết việc H xin ly hôn, Q không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con; Về tài sản chung – nợ chung, không có.

Khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ, chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính

trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”; Xét thấy, chị H và anh Q không còn sống chung thời gian dài là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Q là có căn cứ.

[Về con chung]:

Chị H và anh Q sống chung sanh 01 con chung tên: Phạm Trí C, sinh ngày 30/3/2015 hiện do chị H đang nuôi dạy, chị H có yêu cầu nuôi dạy con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét, cháu C hiện chị H đang nuôi dạy, cuộc sống cháu ổn định, nên tiếp tục giao cho chị H nuôi con chung.

Về mức cấp dưỡng:

Chị H không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đề cập đến giải quyết.

Chị Phạm Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[Về tài sản chung – nợ chung]:

Chị H khai không có, phù hợp lời khai của bà Đ (mẹ anh Q), nên không đề cập đến giải quyết (Nếu anh Q có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác).

[Về án phí]:

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị H đã nộp.

Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. *[Về quan hệ hôn nhân]:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H;
Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn Q.

2. *[Về con chung]:*

Chị Phạm Thị H tiếp tục nuôi dạy cháu: Phạm Trí C, sinh ngày 30/3/2015, anh Quý không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Phạm Thị H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. *[Về án phí sơ thẩm]:*

Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007480 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Anh Nguyễn Văn Q vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kiều Nga

